

Số: 166/2020/QĐST-HNGĐ

*Hải An, ngày 14 tháng 8 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 200/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Đinh NA; nơi cư trú: Số 47 TVL, phường CB, quận HA, thành phố Hải Phòng;

Anh Nguyễn Quang H; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12/168 PL, phường VM, quận NQ, Hải Phòng; nơi ở: Số 17/46/272 ĐN, phường ĐK, quận NQ, Hải Phòng;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang H và chị Đinh NA kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng vào ngày 04/3/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5 năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai có nhiều bất đồng trong tính cách, quan điểm sống. Mâu thuẫn kéo dài khiến cuộc sống chung không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 11 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau về

tình cảm cũng như kinh tế. Nay anh H và chị NA đều nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên cả hai cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa anh H và chị NA đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc và không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Minh KH, sinh ngày 21/6/2014. Anh chị thống nhất thỏa thuận khi ly hôn giao con chung cho chị NA trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh H và chị NA là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sinh hoạt và học tập hiện tại của con chung nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị NA thống nhất thỏa thuận: Hàng tháng, anh H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh H và chị NA xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Nguyễn Quang H và chị Đinh NA tự nguyện chịu mỗi người 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang H và chị Đinh NA cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh KH, sinh ngày 21/6/2014 cho chị Đinh NA trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, Anh H và chị NA thống nhất thỏa thuận: Hàng tháng, anh H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng (ba triệu đồng), kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Quang H và chị Đình NA xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

## 2. Về lệ phí Tòa án:

Anh Nguyễn Quang H và chị Đình NA mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Quang H và chị Đình NA đã nộp đủ 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0017803 ngày 30/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA Dân sự quận Hải An;
- UBND phường Cát Bi, quận Hải An, HP;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

### **THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hằng**

